TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hà Thị Trúc N – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Tân Phú T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn N – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Tân Phú T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 23/3/2023, Biên bản lấy lời khai ngày

05/4/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Hà Thị Trúc N trình bày: Chị và anh N kết hôn vào năm nào không nhớ rõ, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sống chung khá hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, có lúc xảy ra bạo lực nên đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung các cháu tên là Nguyễn Hà L, sinh ngày 13/8/2002 và cháu Nguyễn Hà H, sinh ngày 18/7/2009. Cháu L đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với cháu H chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H theo nguyện vọng của cháu. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Chị Hà Thị Trúc N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N. Đối với anh Nguyễn Văn N Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh N.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hà Thị Trúc N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nn. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hà H sinh ngày 18/7/2009 cho chị Hà Thị Trúc N được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H. Do chị N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh Nguyễn Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Hà Thị Trúc N và anh Nguyễn Văn N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn N và có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do anh N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng tại Tòa án chị Hà Thị Trúc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N. Đối với anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh sự vắng mặt của anh có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Trúc N: Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Trúc N và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, do anh N đánh chị nên không thể sống chung với nhau nên đã ly thân hơn một năm nay. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã mời anh Ngon nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn gia đình nhưng anh N không đến. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Hà Thị Trúc N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Hà Thị Trúc N: Quá trình sống chung chị Hà Thị Trúc N và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung các cháu tên là Nguyễn Hà L sinh ngày 13/8/2002 và cháu Nguyễn Hà H sinh ngày 18/7/2009. Hiện cháu H đang sống chung với chị, còn cháu L đã trưởng

thành nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với cháu H chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Việc yêu cầu nuôi con chung của chị N phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hà H sinh ngày 18/7/2022 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh N không trực tiếp nuôi con chung cho nên chị N phải tạo điều kiện thuận lợi để anh N được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Hà Thị Trúc N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Trúc N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hà Thị Trúc N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2009 cho chị Hà Thị Trúc N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn N không ai được quyền ngăn.

3. Về tài sản chung: Các khai không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Hà Thị Trúc N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0012455 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.